TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2025/QĐST-DS	*Mộc Châu, ngày 25 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lò Văn C, sinh năm 1971. Hộ khẩu thường trú: Bản P, xã C, huyện M, tỉnh S; nay là: Bản P, xã C, thị xã M, tỉnh S. Nơi ở hiện nay: Bản P 2, xã C, huyện M, tỉnh S; nay là: Bản P 2, xã C, thị xã M, tỉnh S.

+ Ông Vì Văn Úc, sinh năm 1955. Địa chỉ: Hộ khẩu thường trú: Bản P, xã C, huyện M, tỉnh S; nay là: Bản P, xã C, thị xã M, tỉnh S. Nơi ở hiện nay: Bản P 2, xã C, huyện M, tỉnh S; nay là: Bản P 2, xã C, thị xã M, tỉnh S.

+ Bà Lường Thị Than, sinh năm 1952. Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện M, tỉnh S; nay là: Bản P, xã C, thị xã M, tỉnh S. Nơi ở hiện nay: Bản P 2, xã C, huyện M, tỉnh S; nay là: Bản P 2, xã C, thị xã M, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông Lò Văn C, sinh năm 1969 và bà Lường Thị T, sinh năm 1973. Đều cùng địa chỉ: Bản P 2, xã C, huyện M, tỉnh S; nay là: Bản P 2, xã C, thị xã M, tỉnh S.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Thanh Thủy, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ dân phố 3/2, phường T, thị xã M, tỉnh .

- Bà Hoàng Thị X, sinh ngày 1975.

Hộ khẩu thường trú: Bản P, xã C, huyện M, tỉnh S; nay là: Bản P, xã C, thị xã M, tỉnh S. Nơi ở hiện nay: Bản P 2, xã C, huyện M, tỉnh S; nay là: Bản P 2, xã C, thị xã M, tỉnh S.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Vợ chồng ông Lò Văn C và bà Hoàng Thị X nhất trí như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, xác định ngôi nhà của vợ chồng ông bà đã xây và tường rào có 01 phần đã lấn vào lối đi chung, xin tự nguyện tháo dỡ tháo dỡ phần ngôi nhà và phần tường rào và các tài sản đã xây lấn vào lối đi chung để trả lại lối đi chung như bản đồ đồ địa chính năm 1999 -2000 đã lập cũng như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ. Cụ thể như sau:

- Phần đất nhà ông C đang lấn vào lối đi chung là 12,5m2. Có các vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Nam: Từ A22 đến A21 là 0,62m giáp đường bê tông, điểm A21 tính từ mép móng đá giáp đường bê tông.

+ Phía Đông: Từ A21 đến B18 là 0,61m, từ B18 đến B19 là 7,26m, từ B19 đến B20 là 9,99m đều giáp đất nhà ông C.

+ Phía Tây: Từ B20 đến A22 là 18,41m giáp lối đi chung.

- Trên phần đất ông C lấn vào lối đi chung có các tài sản sau:

+ Nhà xây cấp IV: Rộng 4m, dài 8,2m, tường 150mm, mái lợp fibroximang; không có nhà vệ sinh khép kín. Có diện tích 32,8m2. Đưa vào sử dụng năm 2019.

+ Tường gạch chắn đất: Dài 11m, sâu 1,4m. Đưa vào sử dụng năm 2019.

+ Nền sân trước nhà: Dài 3,5m; rộng 0,65m. Có diện tích 2,275m2. Đưa vào sử dụng năm 2019.

+ Kè xây đá hộc phía sau dài 10,05m; cao trung bình 1,2m; rộng 0,4m. Có thể tích 5,04m3.

2.2. Vợ chồng ông Lò Văn C và bà Lường Thị T nhất trí như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, xác định phần tường rào và phần mái tôn của vợ chồng ông bà đã xây dựng có 01 phần đã lấn vào lối đi chung, xin tự nguyện tháo dỡ phần tường rào xây và mái tôn đã xây lấn và lợp vào lối đi chung để trả lại lối đi chung như bản đồ đồ địa chính năm 1999 -2000 đã lập cũng như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ. Cụ thể như sau:

- Phần đất nhà ông C + bà T đang lấn vào lối đi chung là 80,3m2. Có các vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc: Từ B3 đến A3 là 0,91m giáp đất ông C + bà T đang sử dụng.

+ Phía Đông: Từ A3 đến A4 là 8,29m, từ A4 đến A5 là 6,24m, từ A5 đến A6 là 9,16m, từ A6 đến A7 là 1,55m đều giáp đường hiện trạng; từ A7 đến A22 là 18m giáp đất ông C đang sử dụng

+ Phía Nam: Từ A22 đến A23 là 3,84m giáp đường bê tông.

+ Phía Tây: Từ A23 đến B4 là 18,28m, từ B4 đến B3 là 14,49m, từ B3 đến A1' là 18,47m, từ A1'đến A1 là 2,08m.

- Trên phần đất ông C, bà T lấn vào lối đi chung có các tài sản sau:

+ Tường rào xây gạch Block dài 20,8m; cao 1,7m, trát 01 mặt. Có diện tích 35,36m2. Đưa vào sử dụng năm 2019.

+ Trát tường ngoài, tường dài 20,8m, cao 1,7m, 1 mặt. Có diện tích 35,36m2. Đưa vào sử dụng năm 2019.

+ Nền dài 18,2m; rộng trung bình 2,95m. Có diện tích 21,15m2. Đưa vào sử dụng năm 2019.

+ Vách thưng tôn: Cao trung bình 1,475m; dài 5,5m. Có diện tích 8,125m2. Đưa vào sử dụng năm 2019.

+ Vách thưng tấm nhựa: Dài 12,7m, cao 2 m, khung thép. Có diện tích 25,4m2. Đưa vào sử dụng năm 2019.

+ Lợp bán mái bằng tôn: Dài 12,2m, rộng 3,3m, không tường. Có diện tích 40,26m2. Đưa vào sử dụng năm 2019.

+ Lợp bán mái bằng fibroximang: Dài 6m, rộng trung bình 2,95m, không tường. Có diện tích 17,7m2. Đưa vào sử dụng năm 2019.

(Có trích đo hình thể hiện trạng thửa đất ngày 18/3/2025 kèm theo)

3. Về án phí: + Ông Lò Văn C phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002223 ngày 05 tháng 11 năm 2024. Ông Lò Văn C được trả lại 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La (trước đây là Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La).

+ Ông Hà Văn C, bà Lường Thị T phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn ông Lò Văn C và bị đơn ông Hà Văn C, bà Lường Thị T thỏa thuận mỗi bên chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.143.000 đồng (năm triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn đồng), chi phí định giá tài sản là 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng), tổng cộng là 6.643.000 đồng (sáu triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Ông Lò Văn C đã nộp đủ số tiền 6.643.000 đồng (sáu triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Ông Hà Văn C và bà Lường Thị T có trách nhiệm hoàn trả cho ông Lò Văn C ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.321.500 đồng (ba triệu, ba trăm hai mươi mốt nghìn, năm trăm đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- Viện KSND thị xã Mộc Châu;
- Chi cục THADS thị xã Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh